

Điểm giữa kỳ (30%) học phần Hình học, lớp Củ Chi K3.

STT	Mã số SV	Họ tên	Điểm	Ghi chú
1	867	Huỳnh Thị Thái An	7	Bảy
2	868	Bùi Thị Bình An	7	Bảy
3	869	Huỳnh Thị Ngọc Ân	7	Bảy
4	870	Thái Thị Quế Anh	8	Tám
5	871	Đỗ Đăng Thế Anh	6	Sáu
6	872	Hồ Ngọc Ánh	9	Chín
7	873	Nguyễn Thị Bến	6	Sáu
8	874	Đoàn Thanh Bình	7	Bảy
9	875	Lê Trung Chánh	6	Sáu
10	876	Nguyễn Thị Đẹp	5	Năm
11	877	Trương Thị Thu Dung	7	Bảy
12	878	Nguyễn Quốc Dũng	7	Bảy
13	879	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	7	Bảy
14	880	Nguyễn Thị Minh Duyên	7	Bảy
15	881	Trần Thị Duyên	7	Bảy
16	882	Trần Thị Hằng	7	Bảy
17	883	Trần Thị Thúy Hằng	7	Bảy
18	884	Nguyễn Thị Đình Hạnh	5	Năm
19	886	Phan Thanh Hiền	7	Bảy
20	887	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	7	Bảy
21	888	Lâm Thị Ngọc Hiếu	8	Tám
22	889	Mai Thị Phước Hòa	4	Bốn
23	890	Nguyễn Thị Ánh Hong	7	Bảy
24	893	Nguyễn Thị Tuyết Hong	8	Tám
25	894	Hồ Linh Huệ	8	Tám
26	895	Hồ Thị Thanh Hương	7	Bảy
27	896	Trần Ngọc Hy	7	Bảy
28	897	Phan Hồ Quốc Khương	5	Năm
29	898	Nguyễn Anh Khương	7	Bảy
30	899	Nguyễn Thị Phương Kiều	7	Bảy
31	900	Trần Thị Oanh Kiều	8	Tám
32	901	Nguyễn Thị Thúy Kiều	7	Bảy
33	903	Phan Thị Thanh Lan	8	Tám

NCQ: Điểm giữa kỳ (30%) Hình học lớp Cử Chi K3

Thứ hai, 21 Tháng 1 2013 10:36

34	905	Cao Thị Mỹ Liên	8	Tám
35	906	Biện Thị Linh	6	Sáu
36	907	Nguyễn Thị Loan	8	Tám
37	908	Đào Thị Kim Loan	5	Năm
38	911	Nguyễn Thị Ly	7	Bảy
39	912	Trần Thị Lý	7	Bảy
40	913	Hồ Thị Tuyết Mai	8	Tám
41	914	Nguyễn Thị Diễm My	6	Sáu
42	915	Dương Hồ Ngọc Mỹ	CT	CẤM THI
43	917	Trần Thị Thúy Ngân	4	Bốn
44	918	Trần Thị Bích Ngân	8	Tám
45	921	Võ Thị Tuyết Ngọc	8	Tám
46	922	Nguyễn Lê Hồng Ngọc	3	Ba
47	923	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	5	Năm
48	925	Trần Thu Nguyệt	8	Tám
49	926	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	7	Bảy
50	927	Phan Hà Yến Nhi	7	Bảy
51	928	Nguyễn Thị Nhiên	6	Sáu
52	930	Lê Thị Tuyết Nhung	7	Bảy
53	931	Trần Thị Tuyết Nhung	8	Tám
54	932	Trần Thị Oanh	7	Bảy
55	933	Trần Thanh Phong	7	Bảy
56	936	Nguyễn Thị Như Phương	6	Sáu
57	938	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	5	Năm
58	939	Mai Trúc Phượng	7	Bảy
59	940	Nguyễn Vi Quân	6	Sáu
60	941	Huỳnh Phạm Phương Quỳnh	7	Bảy
61	942	Trần Mộng Quỳnh	7	Bảy
62	943	Phan Thị Sang	7	Bảy
63	945	Lê Thị Bé Sáu	7	Bảy
64	946	Đỗ Tiến Sĩ	7	Bảy
65	947	Bùi Thị Cẩm Tâm	10	Mười
66	948	Nguyễn Đặng Ngọc Tâm	8	Tám
67	949	Phan Thanh Tâm	7	Bảy
68	951	Nguyễn Văn Thạch	7	Bảy
69	952	Võ Thị Thanh Thai	8	Tám
70	953	Võ Hồng Thanh	8	Tám
71	954	Nguyễn Hoàng Thạnh	5	Năm
72	955	Nguyễn Thị Thao	6	Sáu

73	956	Nguyễn Hồng Thảo	5	Năm
74	957	Nguyễn Minh Thiện	6	Sáu
75	958	Nguyễn Thị Thi Thơ	7	Bảy
76	959	Đào Nguyên Thơ	8	Tám
77	960	Nguyễn Thị Hằng Thoa	8	Tám
78	961	Trần Ngọc Thư	3	Ba
79	962	Dương Hòa Thuận	9	Chín
80	963	Nguyễn Ngọc Hoài Thương	6	Sáu
81	964	Phạm Thị Diễm Thúy	8	Tám
82	965	Cao Thị Diễm Thúy	7	Bảy
83	966	Mai Thị Ngọc Thúy	8	Tám
84	967	Phạm Văn Toàn	8	Tám
85	968	Trần Bích Trâm	7	Bảy
86	969	Lê Thị Minh Trâm	6	Sáu
87	970	Trần Thị Thùy Trang	8	Tám
88	971	Nguyễn Thị Thùy Trang	6	Sáu
89	972	Lưu Thị Mai Trinh	7	Bảy
90	973	Lê Ngọc Trinh	8	Tám
91	974	Lê Tấn Trường	7	Bảy
92	975	Đinh Thị Thanh Tuyền	7	Bảy
93	977	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	CT	CẤM THI
94	979	Liêu Thị Vân	5	Năm
95	980	Nguyễn Thị Cẩm Vân	8	Tám
96	981	Lê Võ Tường Vân	7	Bảy
97	982	Nguyễn Thị Bích Vân	CT	CẤM THI
98	983	Dương Thị Cẩm Vân	7	Bảy
99	985	Đỗ Thị Hoàng Yến	7	Bảy
100	986	La Phi Yến	8	Tám
101		Nguyễn Thị Kim Thoa	6	Sáu